

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hoa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Thanh	Thành viên
Bà Đỗ Thị Phương Hoa	Thành viên
Ông Đỗ Viết Tập	Thành viên
Ông Đinh Trần Quân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Bích Liên	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hồ Tuấn Hoàn	Thành viên
Bà Phạm Thanh Thân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Viết Tập	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Phương Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thanh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đỗ Viết Tập - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI
Số 17 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Việt Tập
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 05 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		238.279.052.490	237.145.914.079
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.140.685.014	4.443.642.455
1. Tiền	111		290.685.014	1.193.642.455
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.850.000.000	3.250.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.040.328.767
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.040.328.767
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		211.436.677.881	207.287.483.233
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.463.839.284	2.927.169.603
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	37.760.868.972	37.901.180.058
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	1.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	178.415.393.592	175.662.557.539
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.221.423.967)	(10.221.423.967)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		18.000.000	18.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		24.399.208.015	16.060.998.557
1. Hàng tồn kho	141	V.8	24.399.208.015	16.060.998.557
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		302.481.580	313.461.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	153.669.697	160.280.808
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13a	148.811.883	153.180.259
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.514.684.663	172.924.629.745
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		142.403.000.000	139.353.430.020
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		3.100.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	139.303.000.000	139.353.430.020
II. Tài sản cố định	220		8.457.193.826	11.424.640.772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.457.193.826	11.424.640.772
- Nguyên giá	222		22.292.659.667	22.257.906.757
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.835.465.841)	(10.833.265.985)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	11.654.490.837	12.146.558.953
- Nguyên giá	231		17.231.262.795	17.231.262.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.576.771.958)	(5.084.703.842)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	10.000.000.000	10.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.000.000.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	3.000.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		413.793.737.153	410.070.543.824

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.320.318.308	51.863.420.935
I. Nợ ngắn hạn	310		15.111.411.424	9.990.929.629
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.258.276.656	967.830.832
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	182.728.098	362.776.193
3. Phải trả người lao động	314		193.550.000	595.950.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.003.942.781	3.276.670.054
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		32.727.273	32.727.273
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	3.877.335.447	3.762.206.008
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	5.551.456.400	969.504.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.394.769	23.265.269
II. Nợ dài hạn	330		40.208.906.884	41.872.491.306
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	4.817.600.000	4.822.600.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	35.391.306.884	37.049.891.306
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		358.473.418.845	358.207.122.889
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	358.473.418.845	358.207.122.889
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.962.750.000	342.962.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.962.750.000	342.962.750.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.343.331.590	3.343.331.590
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.167.337.255	11.901.041.299
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.026.552.122	11.773.943.230
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		140.785.133	127.098.069
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		413.793.737.153	410.070.543.824

Hoàng Văn Hà
Người lập

Hoàng Văn Hà
Kế toán trưởng



Đỗ Việt Tập
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

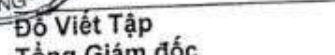
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.893.394.992	10.993.750.325
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.893.394.992	10.993.750.325
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.317.813.609	3.550.115.815
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.575.581.383	7.443.634.510
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	232.701.024	526.615.438
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	761.019.471	630.349.789
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		761.019.471	630.349.789
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.552.072.140	7.130.463.361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		495.190.796	209.436.798
11. Thu nhập khác	31		12.696.364	363.849.750
12. Chi phí khác	32		83.109.413	310.366.809
13. Lợi nhuận khác	40		(70.413.049)	53.482.941
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		424.777.747	262.919.739
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	158.481.791	135.821.670
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.7	266.295.956	127.098.069
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Hoàng Văn Hà
Người lập


Hoàng Văn Hà
Kế toán trưởng




Đỗ Viết Tập
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	424.777.747	262.919.739
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.494.267.972	3.490.512.584
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(232.701.024)	(526.615.438)
Chi phí lãi vay	06	761.019.471	630.349.789
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	4.447.364.166	3.857.166.674
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(5.094.396.252)	(25.978.787.653)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(8.338.209.458)	(2.758.340.756)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	296.568.002	(1.140.082.682)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.993.388.889)	(20.356.564)
Tiền lãi vay đã trả	14	(516.555.954)	(630.349.789)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(154.113.415)	(254.878.698)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(11.870.500)	(47.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	(12.364.602.300)	(26.972.729.468)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(7.367.946.849)	(15.283.871.233)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.308.275.616	6.608.542.466
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	232.701.024	420.892.150
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.138.276.881	(8.254.436.617)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.405.401.978	33.126.187.771
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.482.034.000)	(1.614.126.436)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.923.367.978	31.512.061.335
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.302.957.441)	(3.715.104.750)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.443.642.455	8.158.747.205
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.140.685.014	4.443.642.455

Hoàng Văn Hà
Người lập

Hoàng Văn Hà
Kế toán trưởng



Đỗ Việt Tập
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 05 năm 2022